

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 3445/QĐ-UBND ngày 20/10/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (khu vực trước đây UBND tỉnh cấp cho Hợp tác xã Công nghiệp Đông Đình); Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (khu vực Công ty cổ phần Loan Dương được cấp phép thăm dò mở rộng);*

*Căn cứ Giấy phép số 472/GP-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty cổ phần Loan Dương khai thác khoáng sản và thuê đất mỏ*

*đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 4918/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Loan Dương;*

*Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Loan Dương;*

*Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày 27/7/2021 của Công ty cổ phần Loan Dương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 983/TTr-STNMT ngày 15 tháng 10 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty cổ phần Loan Dương (Mã số doanh nghiệp: 2801038954 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, có địa chỉ tại nhà ông Vũ Văn Dương, xóm 5, xã Hà Châu, huyện Hà Trung) được khai thác, chế biến khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ 43.675 m<sup>2</sup>, trong đó: Khu vực khai thác có diện tích 35.100 m<sup>2</sup> (gồm khu vực mỏ cũ có diện tích 15.600 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, A, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12; khu vực mở rộng có diện tích 19.500 m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, M1, M2, M3, M4 và M5); khu vực chế biến và xây dựng các công trình phụ trợ có diện tích 8.557 m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm góc 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16, có tọa độ xác định tại Phụ lục 1 và trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo.

- Mức sâu khai thác: Thấp nhất + 20 m.

- Trữ lượng địa chất: 1.647.660 m<sup>3</sup>, trong đó có 43.766 m<sup>3</sup> đá khối để xẻ.

- Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác (đến thời điểm ngày 30/9/2021): 1.534.911 m<sup>3</sup>; trong đó có 43.766 m<sup>3</sup> đá khối để xẻ.

- Trữ lượng khai thác: 1.160.647 m<sup>3</sup> trong đó có 40.407 m<sup>3</sup> đá khối để xẻ.

- Công suất khai thác: 50.000 m<sup>3</sup>/năm.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Thời hạn khai thác: 24 năm kể từ ngày ký giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 10 tháng.

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường để cung cấp nguồn vật liệu phục vụ các công trình sử dụng ngân sách nhà nước

theo quy định; công trình khắc phục thiên tai, địch họa; công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới. Nghiêm cấm việc nâng giá, ép giá, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Công ty cổ phần Loan Dương có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số 472/GP-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty cổ phần Loan Dương phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản VN (b/c);
- Các Sở: TN&MT, Xây dựng;
- UBND huyện Hà Trung;
- UBND xã Hà Tân;
- Công ty cổ phần Loan Dương;
- Lưu VT, CN (1021).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU  
XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ HÀ TÂN, HUYỆN HÀ TRUNG,  
TỈNH THANH HÓA**

*(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND  
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trực 105 <sup>00</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
	X (m)	Y (m)
1	2216 065.93	585 312.87
4	2216 969.80	585 462.50
A	2215 892.70	585 394.45
6	2215 872.78	585 346.05
7	2215 887.55	585 330.18
8	2215 910.90	586 332.16
12	2215 983.18	585 313.11
13	2215 983.15	585 310.43
14	2215 910.07	585 279.38
15	2215 947.72	585 252.78
16	2215 988.04	585 285.80
M1	2215 940.50	585 518.51
M2	2215 993.28	585 595.95
M3	2216 079.24	585 608.58
M4	2216 065.00	585 435.00
M5	2216 068.40	585 312.88
<b>Diện tích: 43.675 m<sup>2</sup></b>		